

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/KDTM-PT
Ngày: 23-01-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Cường;
Ông Phan Trí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20/12/2017, 22; 23/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 11/2017/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2017/QĐ-PT ngày 07/11/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần xăng dầu N.

Địa chỉ: Số N, đường N, Phường N, Quận n, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đào Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Số A, đường T, Phường N, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 06/UQ-NVP/2016 ngày 19/12/2016), có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Thép T; trụ sở: Số A, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị V; địa chỉ: Công ty TNHH Thép T, Số A, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2017), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Công ty TNHH Đầu tư – Xây dựng – Thương mại TT; địa chỉ: Số N, tổ 2, ấp 3, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trình Minh H, sinh năm 1951; địa chỉ: Số N, tổ 2, ấp 3, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

+ Bà Bùi Thị D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh xăng dầu NX; trụ sở: Ấp T, Quốc lộ N, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Số N, đường P, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Số N, đường T, khu phố N, phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty Cổ phần xăng dầu N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/11/2013, Công ty Cổ phần xăng dầu N (gọi tắt là Công ty N) và bà Bùi Thị D - Chủ doanh nghiệp tư nhân kinh doanh xăng dầu NX (gọi tắt là Doanh nghiệp NX) ký hợp đồng hợp tác kinh doanh bán lẻ tại cửa hàng xăng dầu, thời hạn hợp đồng là 05 năm. Hai bên thỏa thuận kể từ ngày ký hợp đồng trên Công ty N được toàn quyền quản lý, điều hành kinh doanh, quyết định nguồn nhân lực và chịu trách nhiệm về hoạt động khai thác, kinh doanh xăng dầu, chịu trách nhiệm tổ chức hạch toán kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước theo quy định pháp luật trong suốt thời gian hợp tác kinh doanh.

Ngày 05/9/2014, Công ty TNHH Đầu tư – Xây dựng – Thương mại TT (sau đây gọi tắt là Công ty TT) và Công ty N ký Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng nguồn hàng khi cần thiết số: H63. Theo hợp đồng Công ty N cung cấp hàng gồm xăng không chì, dầu Diesel (DO) cho Công ty TT, hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2015, địa điểm mua bán xăng dầu tại Cửa hàng xăng dầu NX. Thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Minh H là nhân viên của Công ty TT trực tiếp nhận dầu từ ông Nguyễn Đăng T là người quản lý Cửa hàng xăng dầu NX để giao cho xà lan và phà bơm. Từ cuối tháng 12 năm 2014, Công ty TT không tiếp tục mua dầu nữa và đã thanh toán hết tiền mua xăng dầu cho Công ty N nhưng hai bên không đối chiếu công nợ.

Ngày 01/01/2015, Công ty N và Công ty TNHH Thép T (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký “Hợp đồng nguyên tắc mua bán xăng dầu tiêu thụ trực tiếp cho hệ thống công nghiệp số: 010/NVP-NT”, thời hạn một năm. Hợp đồng bắt đầu thực hiện từ ngày ký, đến ngày 03/02/2015 thì kết thúc do Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tổng số hàng Công ty N đã bán cho Công ty T là 40 lít nhớt và 19.155 lít dầu tương ứng với số tiền 307.313.650 đồng. Công ty T đã thanh toán

được 219.599.500 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 85.634.150 đồng. Nay, Công ty N khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền hàng còn nợ là 85.634.150 đồng và tiền lãi là 11.887.896 đồng tương ứng với thời gian chậm trả, tạm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ 12/02/2015 (là ngày Công ty N thông báo yêu cầu Công ty T thanh toán tiền mua hàng còn nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/8/2016 tương đương là 18 tháng 18 ngày với mức lãi suất là 9%/năm, tổng số tiền yêu cầu là 97.522.046 đồng.

Đại diện của bị đơn trình bày:

Ngày 07/8/2014 Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư–Xây dựng–Thương mại TT (gọi tắt là Công ty TT) và Công ty T có ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số: 20/2014/HĐKT/NT-TT. Nội dung hợp đồng Công ty TT cung cấp cát san lấp và bơm cát san lấp cho công trình Sân gôn Nhân Sư tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty T làm chủ đầu tư.

Thống nhất với lời trình bày của đại diện của nguyên đơn về việc Công ty N và Công ty T có ký hợp đồng nguyên tắc số: 010/NVP-NT với các nội dung thể hiện trong hợp đồng, việc đặt hàng chỉ điện thoại hoặc cử nhân viên trực tiếp đến báo và nhận dầu. Tuy nhiên, về thời điểm ký hợp đồng thực tế không phải ngày 01/01/2015 mà ngày 12/01/2015. Do tin tưởng nên sau khi ký hợp đồng Công ty T không giữ bản hợp đồng nào. Công ty T bắt đầu mua dầu từ ngày 15/01/2015 đến ngày 03/02/2015 thì Công ty N không giao hàng nữa. Tổng số dầu Công ty T đã mua của Công ty N là 12.495 lít, tương ứng với số tiền 193.755.850 đồng. Công ty T đã thanh toán cho Công ty N 219.599.500 đồng, số tiền 25.823.650 đồng thanh toán dư nhằm mục đích đặt trước tạo niềm tin để Công ty N tiếp tục bán dầu. Nay Công ty N khởi kiện yêu cầu Công ty T phải thanh toán số tiền mua xăng dầu còn nợ là 85.634.150 đồng (trong đó có 03 đợt giao hàng ngày 08, 12 và ngày 13/01/2015 là 78.327.300 đồng, các đơn hàng khác thanh toán còn thiếu là 7.306.850 đồng) và tiền lãi 11.887.896 đồng thì Công ty T không đồng ý vì Công ty này không còn nợ tiền Công ty N. Đối với tiền dầu của ngày 08, 12 và ngày 13/01/2015 do ông Nguyễn Minh H là nhân viên của Công ty TT nhận. Ông Nguyễn Minh H chưa từng được Công ty T tuyển dụng vào làm việc cho Công ty và ông Lê Quang C không ủy quyền cho ông Nguyễn Minh H nhận dầu tại Cửa hàng xăng dầu NX thay ông Cang cho Công ty T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Đầu tư – Xây dựng – Thương mại TT trình bày:

Thống nhất với nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng nguồn hàng khi cần thiết số: H63 ngày 05/9/2014 và thống nhất với bị đơn về việc ký kết hợp đồng số 20/2014/HĐKT/NT-TT ngày 07/8/2014. Từ ngày 13/9/2014 ông Nguyễn Minh H được Công ty TT trực tiếp cử đi nhận dầu tại Cửa hàng xăng dầu NX để giao cho xà lan và phà bơm. Từ cuối tháng 12 năm 2014 giữa Công ty T và Công ty TT có đối chiếu công nợ và thỏa thuận Công ty TT bàn giao toàn bộ công việc tại Công trình cho Công ty T thi công

(không lập văn bản). Công ty TT đã thanh toán hết tiền mua xăng dầu cho Công ty N vào cuối năm 2014. Từ ngày 01/01/2015 Công ty T ký hợp đồng mua xăng dầu với Công ty N để cung cấp dầu cho xà lan và phà bom. Ông Nguyễn Minh H đã nghỉ việc tại Công ty TT từ cuối năm 2014 và từ ngày 08/01/2015 ông H được Công ty T lưu dụng làm việc đến ngày 17/01/2015 thì nghỉ việc. Vào các ngày 08, 12 và ngày 13/01/2015 ông Lê Quang C là nhân viên của Công ty T có nhờ ông Nguyễn Minh H đi nhận xăng dầu thay. Vì vậy ngày 12/02/2015 Công ty TT đã có văn bản gửi cho Công ty N biết về nghĩa vụ thanh toán tiền dầu 03 ngày này là của Công ty T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty N buộc Công ty T phải trả số tiền mua dầu còn nợ và tiền lãi phát sinh, Công ty TT không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H trình bày:

Thống nhất với trình bày của Công ty T và Công ty TT về việc ông H là nhân viên của Công ty TT từ ngày 13/9/2014 đến 31/12/2014, công việc được phân công là đi nhận dầu tại Cửa hàng xăng dầu NX để đổ cho xà lan và phà bom. Từ ngày 01/01/2015 được ông Lê Bá L nhận ông H vào làm việc tại Công ty T, đến ngày 17/01/2015 nghỉ việc. Trong thời gian là nhân viên của Công ty T ông H chịu trách nhiệm theo dõi xà lan chở cát, nếu ông Lê Quang C bận không nhận dầu được thì ông H đi nhận giùm. Ông H đã nhận được 05 lần: Vào ngày 02/01/2015 nhận 1.950 lít, chở 02 đợt vào ngày 02 và ngày 06/01/2015; lần 02 ngày 08/01/2015 ông Tín và ông Dũng cùng ký nhận 1.910 lít; lần 3 ngày 12/01/2015 ông Tín và ông Dũng mua 1.810 lít; ngày 13/01/2015 ông Tín nhận 990 lít. Ông Trần Quốc Dũng là nhân viên quản lý phà bom, trực tiếp đến nhận dầu cùng ông Tín để thuận tiện cho việc tách khối lượng dầu cần đổ cho phà bom và xà lan nên có ký nhận dầu. Khi mua dầu ông Nguyễn Minh H thanh toán, sau đó giữa hai Công ty đã thanh toán chưa thì ông không rõ. Ông H xác định chỉ đi nhận dầu cho Công ty nên không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến số tiền dầu Công ty N khởi kiện yêu cầu Công ty T trả, ông H không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị D - Chủ doanh nghiệp tư nhân kinh doanh xăng dầu NX trình bày:

Thống nhất trình bày của nguyên đơn về ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh bán lẻ tại cửa hàng xăng dầu, về nội dung trong hợp đồng. Việc tranh chấp tiền mua bán xăng dầu giữa Công ty N và Công ty T trong thời gian hợp đồng đang còn hiệu lực nên mọi vấn đề do Công ty N quyết định. Trường hợp yêu cầu khởi kiện của Công ty N được chấp nhận bà Dung cũng không có ý kiến gì. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp giữa Công ty N và Doanh nghiệp NX sẽ tự giải quyết với nhau hoặc khởi kiện bằng vụ án khác, bà Dung không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Người làm chứng ông Nguyễn Đăng T trình bày:

Thông nhất với trình bày của nguyên đơn. Ông Tín xác định ngày 08, 12 và ngày 13/01/2015 ông có giao cho ông Nguyễn Minh H nhận dầu thay cho Công ty T với tổng số tiền là 78.327.300 đồng. Sau đó thì ông Phan Minh H (Giám đốc Công ty T) cũng xác nhận qua điện thoại vấn đề này. Ông Tín xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến số tiền dầu Công ty N đang khởi kiện Công ty T.

- *Người làm chứng ông Lê Bá L trình bày:*

Thông nhất với trình bày của nguyên đơn về số dầu ngày 08, 12 và ngày 13/01/2015 anh Nguyễn Minh H nhận thay cho Công ty T. Ông Lê Bá L là nhân viên thời vụ của Công ty TT từ ngày 02/12/2014 đến ngày 07/01/2015 nghỉ việc. Từ ngày 07/01/2015 ông chuyển sang làm nhân viên thời vụ cho Công ty T, đến ngày 14/02/2015 thì nghỉ việc. Do đã lớn tuổi và làm nhân viên thời vụ nên ông và các Công ty không ký hợp đồng lao động. Công việc ông được giao chủ yếu là giao nhận dầu, cát và chấu công xà lan nhỏ tại công trình Sân gôn Nhân Sư. Ông Nguyễn Minh H vào làm việc tại Công ty T cùng ngày 07/01/2015 với ông Lộc, đến ngày 17/01/2015 thì nghỉ việc theo sự chỉ đạo (nói miệng) của Giám đốc Công ty.

- *Người làm chứng ông Lê Quang C trình bày:*

Thông nhất với trình bày của bị đơn. Ông Cang là nhân viên của Công ty T, ông Cang xác định vào các ngày 08, 12 và ngày 13/01/2015 ông Cang không nhờ ông H đi nhận dầu tại Cửa hàng xăng dầu NX cho Công ty T. Việc ông Cang xác nhận trong bản tường trình ngày 21/01/2016 của ông Lê Bá L là do ông Lộc nhờ và nói ông ký như vậy để không liên quan gì tới ông Lộc và cũng không ảnh hưởng tới ai nên ông đã ký. Nay do vụ việc phức tạp nên ông Cang thay đổi lại lời khai theo như thực tế.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần xăng dầu N với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Thép T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa để yêu cầu thanh toán số tiền 85.634.150 đồng và tiền lãi 11.887.896 đồng, tổng cộng là 97.522.046 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 16/8/2017, nguyên đơn Công ty Cổ phần xăng dầu N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đến ngày 25/10/2017, nguyên đơn Công ty Cổ phần xăng dầu N tiếp tục có đơn kháng cáo bổ sung để trình bày rõ hơn về lý do và nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bổ sung yêu cầu trả tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm.

- Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung: Nguyên đơn căn cứ vào số giao nhận đầu do ông Nguyễn Đăng T lập để xác định bị đơn nợ tiền mua dầu là không chính xác, nguyên đơn không chứng minh được ông H nhận dầu cho Công ty T nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên; sau khi thảo luận,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngày 02/8/2017, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử vụ án, đến ngày 16/8/2017, nguyên đơn Công ty Cổ phần xăng dầu N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm là trong thời hạn luật định. Đến ngày 25/10/2017, nguyên đơn Công ty Cổ phần xăng dầu N tiếp tục có đơn kháng cáo bổ sung nhưng không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bổ sung yêu cầu thanh toán tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm, yêu cầu này của nguyên đơn chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, ngoài phạm vi xét xử phúc thẩm được quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Đầu tư – Xây dựng – Thương mại TT, ông Nguyễn Minh H và bà Bùi Thị D - Chủ DNTN kinh doanh xăng Dầu NX vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

* Về nội dung vụ án:

[4] Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thừa nhận hai bên ký kết Hợp đồng nguyên tắc mua bán xăng dầu tiêu thụ trực tiếp cho hệ thống công nghiệp số: 010/NVP-NT” ngày 01/01/2015. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Nguyên đơn cho rằng do tin tưởng nhau nên quá trình mua bán dầu giữa Công ty N và Công ty T chỉ căn cứ vào đơn đặt hàng qua điện thoại hoặc nhân viên nhận dầu trực tiếp đến báo số lượng dầu cần mua. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền bán dầu cho bị đơn, số lượng cụ thể như sau (bút lục số 02):

Ngày 08/01/2015 giao: 1.910 lít x 16.630đ/l = 31.763.300 đồng.

Ngày 12/01/2015 giao: 1.810 lít x 16.630đ/l = 30.100.300 đồng.

Ngày 13/01/2015 giao: 990 lít x 16.630đ/l = 16.463.700 đồng.

Tổng cộng: 78.327.300 đồng.

Tất cả số lượng dầu nêu trên đều do ông Nguyễn Minh H nhận thay cho Công ty T. Ngoài ra, trong quá trình tố tụng nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn phải thanh toán các đơn hàng khác chuyển khoản còn thiếu của các ngày 15, 16, 19/01/2015 và ngày 01, 03/02/2015 là 7.306.850 đồng. Tổng cộng số tiền nguyên đơn Công ty Cổ phần xăng dầu N yêu cầu thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 85.634.150 đồng và tiền lãi là 11.887.896 đồng.

[6] Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng bị đơn không mua hàng của nguyên đơn vào các ngày 08, 12 và ngày 13/01/2015, Công ty TNHH Thép T không ủy quyền cho bất kỳ nhân viên nào tên là Nguyễn Minh H nhận xăng dầu tại cây xăng NX thay cho Công ty T vào các ngày 08, 12 và ngày 13/01/2015 và Công ty T cũng không có nhân viên tên là Nguyễn Minh H.

Xét thấy:

[7] Theo quy định tại Điều 2 của hợp đồng: “*Khi bên B có nhu cầu mua hàng, bên B gửi văn bản cho bên A đề nghị về chủng loại và số lượng cần mua*”. Trên thực tế quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn chỉ đặt hàng qua điện thoại hoặc trực tiếp đến báo số lượng dầu cần mua trong ngày cho ông Nguyễn Đăng T (quản lý Cửa hàng xăng dầu NX) biết để giao, sau đó nguyên đơn căn cứ vào sổ giao nhận hàng do ông Tín lập để xuất hóa đơn và thanh toán là chưa tuân thủ đúng thỏa thuận tại hợp đồng.

[8] Theo chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là sổ bán hàng của cây xăng NX (bút lục số 51 đến bút lục số 66), thể hiện vào các ngày 08, 12 và ngày 13/01/2015 nguyên đơn bán xăng dầu và người nhận ký tên Nguyễn Minh H với nội dung “chưa thanh toán”. Nguyên đơn cho rằng ông Nguyễn Minh H là nhân viên của Công ty T, đại diện cho Công ty T đến nhận xăng dầu tại cây xăng NX vào các ngày 08, 12 và ngày 13/01/2015. Xét thấy, ngày 05/9/2014 Công ty TT đã thiết lập quan hệ mua bán xăng dầu với Công ty N thông qua việc ký kết Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng nguồn hàng khi cần thiết số: H63, hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2015 (bút lục số 427 - 429). Hợp đồng đã được thực hiện và ông Nguyễn Minh H (nhân viên của Công ty TT) phụ trách công việc nhận dầu tại Cửa hàng xăng dầu NX do ông Nguyễn Đăng T quản lý để đổ cho xà lan và phà bơm của Công ty TT hoạt động tại công trình sân gôn

Nhân Sự. Sự việc này được các đương sự và người làm chứng thừa nhận. Ông H cho rằng từ cuối năm 2014 ông nghỉ việc tại Công ty TT, đến ngày 01/01/2015 ông được ông Lê Bá L trưng dụng vào làm tại Công ty T với công việc nhận dầu trước đó. Trình bày của ông H là không có cơ sở bởi lẽ tại Công văn ngày 12/02/2015 (bút lục số 04), Công ty TT thừa nhận đến ngày 08, 12 và 13/01/2015 thì ông H vẫn là nhân viên của Công ty này, đồng thời có sự mâu thuẫn với lời khai của ông Lê Bá L, vì ông Lộc xác định ông Nguyễn Minh H vào làm việc cho Công ty T trên cơ sở ông Lê Quang C nhờ làm dùm từ ngày 07/01/2015 đến ngày 17/01/2015. Tại “Tờ tường trình” của ông Lê Bá L ngày 21/01/2016, phần cuối văn bản có nội dung ông Lê Quang C xác nhận: “Anh Nguyễn Minh H (nhân viên TNHH ĐT XD TM TT) có nhận dầu diesel của Cửa hàng xăng dầu N (Củ Chi) 03 ngày: 08/01/2015; 12/01/2015 và 13/01/2015 để giao cho các xà lan nhỏ thay cho Công ty TNHH Thép T” nhưng sau đó tại “Tờ tường trình” ngày 22/07/2016 (bút lục số 166) ông Cang thay đổi lời khai, xác định: “Anh Nguyễn Minh H (nhân viên TNHH ĐT XD TM TT) có nhận dầu diesel của Cửa hàng xăng dầu N (Củ Chi) từ ngày 13/01/2015 trở về trước để giao cho các xà lan nhỏ là hoàn toàn chính xác. Còn việc các xà lan nhỏ lúc đó đang chạy cho T hay chạy cho TT thì tôi không rõ lắm”. Xét thấy lời khai của ông Lê Quang C trước sau không thống nhất nên không đảm bảo giá trị chứng minh. Mặt khác, Công ty T xác định chưa từng tuyển dụng ông Nguyễn Minh H vào làm việc tại Công ty, đồng thời ông Nguyễn Minh H thừa nhận đến hiện nay, Công ty T vẫn chưa trả lương cho ông H (bút lục số 157). Do vậy, không có chứng cứ xác định ông H là nhân viên của Công ty T vào thời điểm ông H nhận số dầu nói trên. Mặt khác, theo bản tường trình của ông H ngày 22/7/2016 (bút lục số 89), trong số dầu nói trên, ông Dũng nhận 1800 lít ông H nhận 2.910 lít. Ông Dũng là người làm công cho phà của ông Cao Thanh, ông Cao Thanh là người ký Hợp đồng thi công ngày 29/4/2014 với Công ty TT mà không phải là Công ty T. Riêng số dầu ông H đã nhận ông H cho rằng đã sử dụng đổ cho các phà bơm của Công ty T nhưng không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy, việc nguyên đơn cho rằng ông Nguyễn Minh H nhận xăng dầu tại cây xăng NX vào các ngày 08, 12 và ngày 13/01/2015 là đại diện cho Công ty T là không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cho rằng chưa xác định được ông Nguyễn Minh H là nhân viên của Công ty nào nhưng theo lời khai của các ông Lê Quang C và Lê Bá L thì số dầu ông H nhận được giao cho các phà bơm của Công ty T. Ý kiến này không chính xác bởi lẽ theo “Tờ tường trình” ngày 22/7/2016 của ông Lê Quang C (bút lục số 166), ông Cang xác định ông Nguyễn Minh H có nhận dầu của công ty N từ ngày 13/01/2015 trở về trước để giao cho các xà lan nhỏ, còn việc các xà lan nhỏ chạy cho Công ty T hay Công ty TT thì ông không rõ. Riêng lời khai của ông Lê Bá L tại biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2016 (bút lục số 171), ông Lộc khai: “Vào ngày 08,12 và 13/01/2015 ông Nguyễn Minh H nhận dầu từ Công ty N là nhận cho Công ty T (về giao lại cho xà lan nhỏ và phà bơm thi công cho công trình của Công ty Thép T), lý do tôi khẳng định vì trong thời gian này ông Nguyễn Minh H được Công ty Thép T nhận vào làm việc từ ngày 07/01/2015”. Như vậy bản thân ông Lộc không

chứng kiến việc ông H giao dầu cho các xà lan nhỏ và phà bơm của Công ty Thép T mà ông chỉ suy đoán trên cơ sở thời điểm này ông H là nhân viên của Công ty T. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, không có căn cứ xác định vào thời điểm nhận dầu, ông H là người của Công ty T nên lời khai của ông Lộc không có cơ sở chấp nhận.

[9] Đối với số tiền 7.306.850 đồng nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán do các đơn hàng khác chuyển khoản còn thiếu của các ngày 15, 16, 19/01/2015 và ngày 01, 03/02/2015. Theo “Bản kê chi tiết bán hàng, người mua hàng: Công ty T – năm 2015” do đại diện nguyên đơn xuất trình tại phiên tòa thì tổng số tiền dầu Công ty T nợ Công ty N vào các ngày 02, 06, 08, 12, 13, 15, 16, 19, 21, 22, 23, 25, 26, 27, 29 tháng 1 và ngày 01, 03 tháng 2 năm 2015 là 305.233.650 đồng, Công ty T đã thanh toán 219.599.500 đồng, trong đó thanh toán bằng hình thức chuyển khoản là 119.599.500 đồng, còn nợ 85.634.150 đồng, trong đó có 78.327.300 đồng tiền đầu của các ngày 08, 12, 13/01/2015 và 7.306.850 đồng tiền nợ tồn của các ngày 08, 12, 13, 15, 16, 19, 29 tháng 1 và ngày 01, 03 tháng 2 năm 2015. Xét thấy, nguyên đơn đã xác định số nợ riêng của các ngày 08, 12, 13/01/2015 là 78.327.300 đồng nhưng lại cho rằng trong số tiền nợ 7.306.850 đồng có cả khoản nợ tồn của những ngày này là không phù hợp, đồng thời mâu thuẫn với ý kiến của nguyên đơn tại đơn kháng cáo bổ sung ngày 25/10/2017 cho rằng bị đơn phải thanh toán tiền chuyển khoản còn thiếu của các ngày 15, 16, 19/01/2015 và ngày 01, 03/02/2015 là 7.306.850 đồng. Mặt khác, theo Ủy nhiệm chi ngày 02/02/2015 (bút lục số 97) của Công ty T, nội dung chi thể hiện “thanh toán tạm ứng đợt 1 tiền dầu cho Công ty Cổ phần xăng dầu N theo hóa đơn 1668 và 1817. Như vậy, Công ty T xác định chỉ tạm ứng mà không phải là thanh toán cho các hóa đơn, việc công N trừ tiền tạm ứng vào số tiền nợ mua dầu vào thời điểm nào là do Công ty N quyết định. Tại phiên tòa, các bên đều xác định khi gửi hóa đơn yêu cầu thanh toán, Công ty N không gửi kèm theo bản kê chi tiết nên việc Công ty T cho rằng không biết rõ hóa đơn ghi nợ cho ngày nào là có căn cứ, công ty N cho rằng Công ty T chấp nhận hóa đơn 1668 xuất hàng vào các ngày 02 và 06/01/2015 và đã thanh toán tiền cho hóa đơn này là không chính xác. Do vậy, số tiền 7.306.850 đồng là tiền nợ còn tồn trong thời gian từ ngày 02/01/2015 đến ngày 03/02/2015 sau khi trừ đi số tiền đã thanh toán. Cả hai Công ty đều xác định căn cứ vào sổ giao nhận tại Cửa hàng xăng dầu NX để xác định số nợ. Theo nội dung ghi nhận tại sổ giao nhận được các bên đương sự thừa nhận thì từ ngày 02/1/2015 đến ngày 29/01/2015 Công ty N có xuất bán số lượng 19.155 lít dầu DO, thành tiền là 305.233.650 đồng, trong đó số dầu xuất vào các ngày 02, 06, 08, 12, 13/01/2015 do ông Nguyễn Minh H ký nhận. Như đã phân tích ở trên, không có chứng cứ xác định ông H mua dầu theo yêu cầu của Công ty T nên không có căn cứ xác định Công ty T nợ Công ty N tiền dầu số tiền mua dầu vào các ngày 02, 06, 08, 12, 13/01/2015. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ tồn 7.306.850 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ mua dầu không được chấp nhận nên yêu cầu thanh toán tiền lãi cũng không được chấp nhận.

[10] Từ những phân tích trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Nguyên đơn Công ty Cổ phần xăng dầu N kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu nào khác có giá trị để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Nguyên đơn Công ty Cổ phần xăng dầu N phải nộp do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần xăng dầu N.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần xăng dầu N với bị đơn Công ty TNHH Thép T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa để yêu cầu thanh toán số tiền 85.634.150 đồng và tiền lãi 11.887.896 đồng, tổng cộng là 97.522.046 đồng.

2.2. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần xăng dầu N phải chịu 4.876.102 đồng; được khấu trừ 2.313.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006910 ngày 03/12/2015 và số 0007132 ngày 15/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Công ty Cổ phần xăng dầu N còn phải nộp tiếp 2.563.102 đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Thép T 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007189 ngày 02/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần xăng dầu N phải nộp 2.000.000 đồng, được khấu trừ 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010006 ngày 24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- TAND thị xã Dĩ An;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa KT, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Thị Tuyết Thanh